

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B 09A-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

18. Vay và nợ ngắn hạn (Tiếp theo)

- (iii) Khoản vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Bắc Nghệ An theo Hợp đồng số 01/2011/HĐTD/PVNC ngày 25 tháng 10 năm 2011, với hạn mức tín dụng là 10.000.000.000 đồng. Lãi suất vay là lãi ngân hàng tại thời điểm vay. Lãi suất được điều chỉnh theo lãi suất biến động của BIDV trong từng thời kỳ. Thời hạn theo từng kế ước vay thông thường từ 06 tháng đến 12 tháng. Khoản vay được đảm bảo bằng toàn bộ các tài sản hình thành từ vốn vay.
- (iv) Khoản vay Ngân hàng TMCP Đại Chúng Việt Nam – Chi nhánh Thanh Hóa (tiền thân là Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam – Chi nhánh Thanh Hóa) theo hợp đồng số 032/2009/HĐTD/PVFCTH ngày 12 tháng 08 năm 2009 để đầu tư máy móc thiết bị. Tổng số tiền vay không vượt quá 8.955.000.000 đồng. Thời hạn vay là 60 tháng. Lãi suất tính theo lãi suất do bên cho vay công bố tại thời điểm rút vốn.
- (v) Vay ngắn hạn Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam với hạn mức tín dụng là 22.623.638.889 đồng, nhằm trả tiền chuyên nhượng cổ phần. Khoản vay này chịu lãi suất 5,5%/năm. Khoản vay trên được đảm bảo bởi hình thức tín chấp.
- (vi) Vay cá nhân có thời hạn vay dưới 1 năm, lãi suất thỏa thuận theo từng hợp đồng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B 09A-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

19. Vốn chủ sở hữu

a. Biến động vốn chủ sở hữu

| | Vốn đầu tư của chủ sở hữu VND | Thặng dư vốn cổ phần VND | Vốn khác của chủ sở hữu VND | Quỹ đầu tư phát triển VND | Lợi nhuận chưa phân phối VND | Tổng cộng VND |
|---------------------------|-------------------------------------|--------------------------------|-----------------------------------|---------------------------------|------------------------------------|------------------|
| Số dư tại ngày 01/01/2015 | 218.460.000.000 | 5.000.000.000 | 380.952.382 | 23.453.682.587 | (153.543.327.694) | 93.751.307.275 |
| Lợi nhuận tăng trong năm | - | - | - | - | (83.086.870.921) | (83.086.870.921) |
| Số dư tại ngày 31/12/2015 | 218.460.000.000 | 5.000.000.000 | 380.952.382 | 23.453.682.587 | (236.630.198.615) | 10.664.436.354 |
| Lợi nhuận tăng trong kỳ | - | - | - | - | (3.427.700.109) | (3.427.700.109) |
| Số dư tại ngày 30/06/2016 | 218.460.000.000 | 5.000.000.000 | 380.952.382 | 23.453.682.587 | (240.057.898.724) | 7.236.736.245 |

b. Cổ phiếu

| | 30/06/2016 Cổ phần | 01/01/2016 Cổ phần |
|--|-----------------------|-----------------------|
| Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng | 21.846.000 | 21.846.000 |
| - Cổ phiếu phổ thông | 21.846.000 | 21.846.000 |
| - Cổ phiếu ưu đãi | - | - |
| Số lượng cổ phiếu quỹ | - | - |
| - Cổ phiếu phổ thông | - | - |
| - Cổ phiếu ưu đãi | - | - |
| Số lượng cổ phiếu đang lưu hành | 21.846.000 | 21.846.000 |
| - Cổ phiếu phổ thông | 21.846.000 | 21.846.000 |
| - Cổ phiếu ưu đãi | - | - |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B 09A-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

20. Bộ phận theo khu vực địa lý và bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Bộ phận theo khu vực địa lý

Bộ phận theo khu vực địa lý là một bộ phận có thể phân biệt được của một doanh nghiệp tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong môi trường kinh tế khác.

Công ty có trụ sở đặt tại thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An. Các xí nghiệp, các ban điều hành dự án, các ban quản lý các công trình hạch toán phụ thuộc Công ty đều trên địa bàn tỉnh Nghệ An. Do đó, Công ty không có nghĩa vụ phải trình bày báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý theo quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 28- Báo cáo bộ phận.

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Trong kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2016 đến ngày 30 tháng 06 năm 2016, Công ty chỉ cung cấp dịch vụ tại tòa nhà Quang Trung. Do đó, Công ty không có nghĩa vụ phải trình bày báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý theo quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 28 – Báo cáo bộ phận

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO) MẪU SỐ B 09A-DN
Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

1. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ

| | Từ 30/06/2016 đến 01/01/2016 VND | Từ 30/06/2015 đến 01/01/2015 VND |
|---|--|--|
| Tổng doanh thu bán hàng | 180.080.911 | 34.795.109.825 |
| Trong đó: | | |
| - Doanh thu bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ | - | 8.055.078.986 |
| - Doanh thu hoạt động xây lắp | - | 26.483.001.361 |
| - Doanh thu khác | 180.080.911 | 257.029.478 |
| Các khoản giảm trừ doanh thu | - | - |
| Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ | 180.080.911 | 34.795.109.825 |

2. Giá vốn hàng bán

| | Từ 30/06/2016 đến 01/01/2016 VND | Từ 30/06/2015 đến 01/01/2015 VND |
|---|--|--|
| Giá vốn của hàng hóa và dịch vụ đã cung cấp | - | 7.170.255.896 |
| Giá vốn của hoạt động xây lắp | - | 25.308.120.307 |
| Cộng | - | 32.478.376.203 |

3. Doanh thu hoạt động tài chính

| | Từ 30/06/2016 đến 01/01/2016 VND | Từ 30/06/2015 đến 01/01/2015 VND |
|----------------------------|--|--|
| Lãi tiền gửi, tiền cho vay | 908.926 | 4.069.446.317 |
| Cộng | 908.926 | 4.069.446.317 |

4. Chi phí tài chính

| | Từ 30/06/2016 đến 01/01/2016 VND | Từ 30/06/2015 đến 01/01/2015 VND |
|--|--|--|
| Chi phí lãi vay | 316.804.333 | 11.501.719.939 |
| Lỗ do thanh lý các khoản đầu tư | - | 15.423.817.385 |
| Hoàn nhập dự phòng giảm giá các khoản đầu tư | - | (15.258.311.933) |
| Chi phí tài chính khác | 1.483.900 | - |
| Cộng | 318.288.233 | 11.667.225.391 |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO) MẪU SỐ B 09A-DN
Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

5. Chi phí quản lý doanh nghiệp

| | Từ 30/06/2016 đến 01/01/2016 VND | Từ 30/06/2015 đến 01/01/2015 VND |
|-------------------------------------|--|--|
| Lương và các khoản trích theo lương | 1.319.394.585 | 1.522.358.727 |
| Dự phòng công nợ phải thu khó đòi | 1.300.000.000 | - |
| Khấu hao tài sản cố định | 708.749.516 | 2.166.156.317 |
| Thuế, phí, lệ phí | 5.000.000 | 13.306.000 |
| Dịch vụ mua ngoài | - | 154.667.309 |
| Chi phí bằng tiền khác | 580.339.157 | 2.119.160.582 |
| Cộng | 3.913.483.258 | 5.975.648.935 |

6. Thu nhập khác

| | Từ 30/06/2016 đến 01/01/2016 VND | Từ 30/06/2015 đến 01/01/2015 VND |
|-------------------------|--|--|
| Thu từ thanh lý tài sản | - | 7.616.713.695 |
| Các khoản thu khác | 623.481.545 | 2.000.000.000 |
| Cộng | 623.481.545 | 9.616.713.695 |

7. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 30 “Lãi cơ bản trên cổ phiếu”, Công ty đồng thời lập cả báo cáo tài chính tổng hợp và báo cáo tài chính hợp nhất thì chỉ phải trình bày thông tin về lãi trên cổ phiếu theo quy định của chuẩn mực này trên báo cáo tài chính hợp nhất, mà không trình bày trên Báo cáo tài chính tổng hợp.

8. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

| | Từ 30/06/2016 đến 01/01/2016 VND | Từ 30/06/2015 đến 01/01/2015 VND |
|----------------------------------|--|--|
| Chi phí nguyên liệu, vật liệu | - | 14.411.611.031 |
| Chi phí nhân công | 1.319.394.585 | 1.540.721.686 |
| Chi phí khấu hao tài sản cố định | 708.749.516 | 2.166.156.317 |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài | 5.000.000 | 13.220.402.752 |
| Chi phí khác bằng tiền | 580.339.157 | 7.115.133.352 |
| Cộng | 2.613.483.258 | 38.454.025.138 |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B 09A-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo

VII. THÔNG TIN KHÁC

1. Công cụ tài chính

Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của chủ sở hữu thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay như đã trình bày tại Thuyết minh số V.18 và V.19 trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn của chủ sở hữu (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ, lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

Hệ số đòn bẩy tài chính

Hệ số đòn bẩy tài chính của Công ty tại ngày kết thúc niên độ kế toán như sau:

| | 30/06/2016 | 01/01/2016 |
|---|-----------------|----------------|
| | VND | VND |
| Các khoản vay | 80.004.325.031 | 84.843.066.009 |
| Trừ: Tiền và các khoản tương đương tiền | 668.377.728 | 4.461.791.266 |
| Nợ thuần | 79.335.947.303 | 80.381.274.743 |
| Vốn chủ sở hữu | 7.236.736.245 | 10.664.436.354 |
| Tỷ lệ nợ thuần trên vốn chủ sở hữu | 1096,29% | 753,73% |

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, và công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh IV.

Các loại công cụ tài chính

| | Giá trị ghi sổ | |
|--------------------------------------|------------------------|------------------------|
| | 30/06/2016 | 01/01/2016 |
| | VND | VND |
| Tài sản tài chính | | |
| Tiền và các khoản tương đương tiền | 668.377.728 | 4.461.791.266 |
| Phải thu khách hàng và phải thu khác | 478.784.106.813 | 480.504.963.218 |
| Cộng | 479.452.484.541 | 484.966.754.484 |
| Công nợ tài chính | | |
| Các khoản vay và nợ | 80.004.325.031 | 84.843.066.009 |
| Phải trả người bán và phải trả khác | 398.739.404.427 | 398.926.325.662 |
| Chi phí phải trả | 30.132.823.964 | 30.132.823.964 |
| Cộng | 508.876.553.422 | 513.902.215.635 |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B 09A-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo

VII. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)

1. Công cụ tài chính (Tiếp theo)

Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 (“Thông tư 210”) cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực Báo cáo tài chính tổng hợp Quốc tế về việc trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực Báo cáo tài chính tổng hợp Quốc tế.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái, lãi suất và giá. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường hoạt động giao dịch các công cụ tài chính này.

Quản lý rủi ro tỷ giá

Công ty thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá. Tuy nhiên, Công ty không thực hiện phân tích độ nhạy đối với ngoại tệ vì rủi ro do thay đổi ngoại tệ tại ngày lập Báo cáo tài chính tổng hợp là không đáng kể.

Quản lý rủi ro lãi suất

Công ty chịu rủi ro lãi suất phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Rủi ro này sẽ được Công ty quản lý bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay và phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho Công ty từ các nguồn cho vay thích hợp.

Quản lý rủi ro về giá cổ phiếu

Các cổ phiếu do Công ty nắm giữ bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư. Công ty quản lý rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư. Hội đồng Quản trị của Công ty cũng xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào cổ phiếu. Công ty đánh giá rủi ro về giá cổ phiếu là thấp.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B 09A-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo

VII. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)

1. Công cụ tài chính (Tiếp theo)

Quản lý rủi ro về giá cổ phiếu (Tiếp theo)

Công ty cũng chịu rủi ro về giá của công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con và công ty liên kết. Hội đồng Quản trị của Công ty xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào Công ty con và Công ty liên kết như ngành nghề kinh doanh. Các khoản đầu tư vào các Công ty con và Công ty liên kết được nắm giữ không phải cho mục đích kinh doanh mà cho mục đích chiến lược lâu dài. Công ty không có ý định bán các khoản đầu tư này trong tương lai gần.

Quản lý rủi ro về giá hàng hóa

Công ty mua nguyên vật liệu, hàng hóa từ các nhà cung cấp trong và ngoài nước để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Do vậy, Công ty sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá bán của nguyên vật liệu, hàng hóa.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Tại ngày 30 tháng 06 năm 2016, Công ty có khoản rủi ro tín dụng tập trung khá lớn từ khoản phải thu khó đòi được thể hiện tại phần nợ xấu tại Thuyết minh V.6.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B 09A-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo

VII. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)

1. Công cụ tài chính (Tiếp theo)

| | Dưới 1 năm VND | Từ 1- 5 năm VND | Tổng VND |
|--------------------------------------|---------------------------|----------------------------|-------------------------|
| 30/06/2016 | | | |
| Tiền | 668.377.728 | - | 668.377.728 |
| Phải thu khách hàng và phải thu khác | 329.767.071.455 | 159.745.506.000 | 489.512.577.455 |
| Cộng | 330.435.449.183 | 159.745.506.000 | 490.180.955.183 |
| 30/06/2016 | | | |
| Các khoản vay | 83.253.024.968 | - | 83.253.024.968 |
| Phải trả người bán và phải trả khác | 230.469.636.185 | 168.269.768.242 | 398.739.404.427 |
| Chi phí phải trả | 30.132.823.964 | - | 30.132.823.964 |
| Cộng | 343.855.485.117 | 168.269.768.242 | 512.125.253.359 |
| Chênh lệch thanh khoản thuần | (13.420.035.934) | (8.524.262.242) | (21.944.298.176) |
| | Dưới 1 năm VND | Từ 1- 5 năm VND | Tổng VND |
| 01/01/2016 | | | |
| Tiền | 4.461.791.266 | - | 4.461.791.266 |
| Phải thu khách hàng và phải thu khác | 325.488.841.927 | 155.016.121.291 | 480.504.963.218 |
| Đầu tư ngắn hạn | - | - | - |
| Cộng | 329.950.633.193 | 155.016.121.291 | 484.966.754.484 |
| 01/01/2016 | | | |
| Các khoản vay | 88.091.765.946 | (3.248.699.937) | 84.843.066.009 |
| Phải trả người bán và phải trả khác | 224.740.019.420 | 174.186.306.242 | 398.926.325.662 |
| Chi phí phải trả | 30.132.823.964 | - | 30.132.823.964 |
| Cộng | 342.964.609.330 | 170.937.606.305 | 513.902.215.635 |
| Chênh lệch thanh khoản thuần | (13.013.976.137) | (15.921.485.014) | (28.935.461.151) |

Ban Tổng Giám đốc đánh giá rủi ro thanh khoản ở mức cao. Tuy nhiên, Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B 09A-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo

VII. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)

2. Nghiệp vụ và số dư với các bên liên quan

Danh sách các bên liên quan:

Bên liên quan

Mối quan hệ

| | |
|---|--------------------|
| Công ty CP Đầu tư và Du lịch Dầu khí Nghệ An | Công ty con |
| Công ty CP Đầu tư và Xây lắp Dầu khí Hà Tĩnh | Công ty con |
| Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Dầu khí Nghệ An | Công ty con |
| Công ty CP đầu tư Đô thị Dầu khí Cửa Lò | Công ty liên kết |
| Công ty CP Đầu tư Đô thị Dầu khí Quang Trung | Công ty liên doanh |

Số dư chủ yếu với các bên liên quan tại ngày kết thúc niên độ kế toán:

| | 30/06/2016 | 01/01/2016 |
|---|----------------------|----------------------|
| | VND | VND |
| Các khoản phải thu | | |
| Công ty CP Đầu tư và Du lịch Dầu khí Nghệ An | 3.029.454.612 | 6.615.205.511 |
| Công ty CP Đầu tư và Xây lắp Dầu khí Hà Tĩnh | 3.317.494.878 | - |
| Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Dầu khí Nghệ An | 237.049.437 | - |
| Cộng | 6.583.998.927 | 6.615.205.511 |
| Các khoản phải trả | | |
| Công ty CP Đầu tư và Du lịch Dầu khí Nghệ An | - | - |
| Công ty CP Đầu tư và Xây lắp Dầu khí Hà Tĩnh | - | 17.704.080 |
| Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Dầu khí Nghệ An | 2.778.927.491 | 3.310.231.305 |
| Cộng | 2.778.927.491 | 3.327.935.385 |
| Các khoản cho vay | | |
| Công ty CP Đầu tư và Du lịch Dầu khí Nghệ An | 3.880.051.444 | 3.880.051.444 |
| Cộng | 3.880.051.444 | 3.880.051.444 |

Thu nhập Ban Giám đốc Ban Tổng Giám đốc:

| | Từ 30/06/2016 | Từ 30/06/2015 |
|------------------------------------|--------------------|-------------------|
| | đến 01/01/2016 | đến 01/01/2015 |
| | VND | VND |
| Lương và Thù lao Hội đồng quản trị | 267.535.868 | 98.400.000 |
| Cộng | 267.535.868 | 98.400.000 |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B 09A-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo

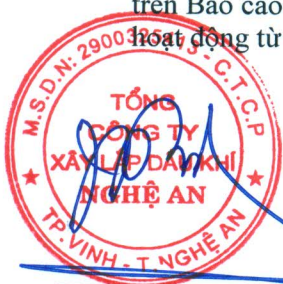
VII. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)

3. Sự kiện sau ngày kết thúc niên độ kế toán

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày 30 tháng 06 năm 2016 đòi hỏi phải được điều chỉnh hay trình bày trong Báo cáo tài chính tổng hợp.

4. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh trên Bảng cân đối kế toán tổng hợp giữa niên độ là số liệu trên Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 đã được kiểm toán. Số liệu so sánh trên Báo cáo kết quả kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ là số liệu trên Báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 30 tháng 06 năm 2015 chưa được soát xét.



Nguyễn Ngọc Bằng
Tổng Giám đốc
Ngày 29 tháng 08 năm 2016

Nguyễn Văn Phúc
Kế toán trưởng

Trần Thị Hồng Anh
Người lập